TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **137**/2025/DS-ST
Ngày 31 – 7 – 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Rỹ

2. Bà Thái Thục Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1); Địa chỉ: Số 126 đường Lê Quyên, phường Chánh Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2025/TLST-DS, ngày 12 tháng 02 năm 2025, về tranh chấp "hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S**; Địa chỉ trụ sở chính: Số 266-268 đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Số 266-268 đường N, phường V, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Đức Thạch D**, sinh năm 1973; Chức danh: Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn; **Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S1**; Địa chỉ trụ sở chính: Số 278 đường N, Phường X, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: số 278 đường N, phường V, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh) là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo Giấy ủy quyền số 123/2024/GUQ-TGĐ ngày 30/9/2024); Ông **Trần Gia T**, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số 278 đường N, Phường X, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: số 278 đường N, phường V, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh) là người được ủy quyền lại của nguyên đơn (Theo Giấy ủy quyền số 8521/2024/UQ-TGĐ ngày 26/11/2024).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Chí Th**, sinh năm 1982; Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Số 161/1/51 đường M, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Số 161/1/51 đường M, Phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh).

(các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có ông Trần Gia T là người đại diện hợp pháp trình bày trình bày:

Ngày 13/07/2022, ông Nguyễn Chí Th có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau: Loại thẻ: Visa; số thẻ: 472074 - 8886; Lãi suất áp dụng là 2.766%/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Th đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 151.301.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Th đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 104.169.000 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước

+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước

+ Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ

+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ

+ Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Th vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Th vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 11/03/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 58.826.656 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Tính đến ngày 31/07/2025 ông Th còn nợ tổng số tiền là 129.932.674 đồng. Trong đó, nợ gốc là 58.826.656 đồng, lãi quá hạn là 71.106.018 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Th, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông Th vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình, Ngân

hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Chí Th phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 31/7/2025 là 129.932.674 đồng (một trăm hai mươi chín triệu, chín trăm ba mươi hai ngàn, sáu trăm bảy mươi bốn đồng). Trong đó, nợ gốc là 58.826.656 đồng, lãi quá hạn là 71.106.018 đồng và khoản lãi phát sinh từ ngày 01/8/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất qui định tại Hợp đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S chỉ yêu cầu một mình ông Th trả tiền mà không yêu cầu ai khác liên đới cùng ông Th trả tiền cho Ngân hàng. Do đó đề nghị Tòa án không triệu tập thêm ai vào tham gia tố tụng.

Ngoài các địa chỉ mà Tòa án đã xác minh thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không biết địa chỉ nào khác của ông Th. Khi ông Th bỏ đi cũng không thông báo địa chỉ cư trú mới cho nguyên đơn và phía nguyên đơn cũng không biết hiện ông Th đang cư trú tại đâu. Ngân hàng xác định ông Nguyễn Chí Th có địa chỉ nơi cư trú cuối cùng là số 161/1/51 đường Nguyễn Duy, phường Phú Định, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Số 161/1/51 đường Nguyễn Duy, Phường 14, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh). Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cũng không đồng ý chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với ông Th về thời gian giải quyết vụ án của Tòa án. Đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định.

Bị đơn ông Nguyễn Chí Th đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không thu thập được lời khai và không hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ việc; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

2. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự

- Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự về tín dụng. Do bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại Phường 14, Quận 8, (nay là phường Phú Định), Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại Khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tống đạt cho bị đơn về thời gian tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Phía nguyên đơn cũng từ chối tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án theo yêu cầu của Tòa án và đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết theo quy định. Đồng thời, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu một mình ông Nguyễn Chí Th thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho mà không yêu cầu ai khác liên đới cùng bị đơn trả nợ nên không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án không xác định thêm người tham gia tố tụng nào khác.

[3]. Về các yêu cầu của đương sự:

Xét, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và ông Nguyễn Chí Th ngày 13/7/2022 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, để cấp cho ông Th hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau: Loại thẻ: Visa; số thẻ: 472074 - 8886; Lãi suất áp dụng là 2.766%/tháng. Hợp đồng do hai bên xác lập hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Th đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 151.301.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Th đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 104.169.000 đồng. Tính đến ngày 31/7/2025 ông Th còn nợ tổng số tiền vốn và lãi là 129.932.674 đồng (một trăm hai mươi chín triệu, chín trăm ba mươi hai ngàn, sáu trăm bảy mươi bốn đồng). Trong đó, nợ gốc là 58.826.656 đồng, lãi quá hạn là 71.106.018 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến Tòa để các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Chí Th phải thanh toán tổng tiền vốn và lãi tính đến ngày 31/7/2025 là 129.932.674 đồng (một trăm hai mươi chín triệu, chín trăm ba mươi hai ngàn, sáu trăm bảy mươi bốn đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và lãi phát sinh từ ngày 01/8/2025 theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ là có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 467 và Điều 470 của Bộ

luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4]. Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 467 và Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc ông Nguyễn Chí Th có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày 31/7/2025 là **129.932.674 đồng** (một trăm hai mươi chín triệu, chín trăm ba mươi hai ngàn, sáu trăm bảy mươi bốn đồng). Trong đó, nợ gốc là 58.826.656 đồng, lãi quá hạn là 71.106.018 đồng. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 6.496.634 đồng (hai triệu, tám trăm hai mươi mốt ngàn, không trăm ba mươi chín đồng) ông Nguyễn Chí Th phải chịu. Nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.727.632 đồng theo biên lai thu số 0031240 ngày 20/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND.TPHCM;
- VKSND Khu vực 10-TPHCM;
- THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dung